

PHỤ LỤC

(Kèm Thư mời số 567/TM-BV ngày 31/12/2024 của Bệnh viện)

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐQCT.25.1	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch có thể thu lại coil	<ul style="list-style-type: none"><li>- Gồm 1 vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron và dây thả, được nối bởi khóa giúp tăng độ chính xác khi thả và có thể thu lại coil.</li><li>- Công nghệ Interlock.</li><li>- Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm.</li><li>- Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube.</li></ul>	Cái	25	
2	ĐQCT.25.2	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch. Dạng coil dây (nhiều hình dạng)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất liệu: Hợp kim Platinum, có sợi Dacron bao phủ. Dạng coil dây.</li><li>- Đường kính 2-11 mm.</li><li>- Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm.</li><li>- Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp.</li></ul>	Cái	20	
3	ĐQCT.25.3	Hạt nhựa nút mạch kích thước từ 40-1.300 micromet, 2ml	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, không tan trong dung môi.</li><li>- Kích thước hạt: 40 µm – 1.300 µm, mỗi kích thước có một màu tương ứng.</li><li>- Đóng gói 2ml</li></ul>	Lọ	50	
4	ĐQCT.25.4	Hạt nhựa tái thuốc điều trị ung thư gan kích thước hạt 40; 75; 100 micromet, 2ml	<ul style="list-style-type: none"><li>- Là hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, không tan trong dung môi.</li><li>- Mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 100mg/2 ml hạt.</li><li>- Thời gian hấp thụ nhanh, tối đa 60 phút.</li><li>- Kích thước hạt: 40,75,100 µm.</li><li>- Đóng gói: ống 2ml.</li></ul>	Lọ	5	
5	ĐQCT.25.5	Vi ống thông can thiệp TOCE 2.4F có kèm dây dẫn	<ul style="list-style-type: none"><li>- Công nghệ POLYFUSION, phủ ái nước HYDRO PASS, chất liệu được bện bằng dây thép không rỉ: dễ hiển thị, chống gập.</li><li>- Đường kính gần cán 3F, xa cán 2.4F; đường kính trong 0.021" bằng PTFE, độ dài 105, 130, 150cm.</li><li>- Áp lực đỉnh 1000 psi.</li><li>- Kèm dây dẫn Transend.</li></ul>	Cái	10	
6	ĐQCT.25.6	Stent đường mật bằng Platinum phủ permalume (các loại)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Có 3 loại: không phủ, bán phủ, phủ toàn phần.</li><li>- Hai đầu stent gồm nhiều vòng nhỏ và loe nhằm giảm chấn thương và chống dịch chuyển stent. Thiết kế bện dây platinol, cấu trúc ô đóng. Loại bán phủ, phủ toàn phần: có vòng loop thu hồi và được phủ permalume (silicone mờ). Đường kính stent: 8-10mm.</li><li>- Có thể thu gọn đến 80% so với khi bung để tái định vị khi đặt.</li><li>- Catheter có 4 điểm cân quang giúp dễ nhìn khi đặt stent. Đường kính 8-8.5F</li></ul>	Cái	3	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	DQCT.25.7	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel	Công nghệ phủ thuốc và giải phóng thuốc đặc biệt FreePAC. Phủ thuốc Paclitaxel 3.5µg /mm <sup>2</sup> , chất dẫn Urea. - Bóng có đường kính 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mm, chiều dài của bóng 40, 60, 80, 120, 150 mm - Catheter có thiết kế over the wire, Chiều dài hệ thống 40 cm, 80cm và 130cm, tương thích với wire có đường kính tối đa là 0.035" Áp lực vỡ bóng lên tới 14 atm -Thiết kế ống thông lõi kép ( dual lumen). - Bóng có 2 marker chất liệu platinum-iridium	Cái	20	
8	DQCT.25.8	Bóng nong mạch ngoại biên	Bóng nong mạch ngoại biên tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". Đường kính từ 3 tới 12 mm, độ dài từ 20 tới 200 mm độ dài ống thông có gắn bóng 40, 80, 135 cm.áp lực vỡ bóng (RBP) tối đa 20atm. Loại bóng: Bán cứng (Semi- compliant) Thiết kế dây dẫn lõi kép (Dual lumen) Phần xa của ống thông có lớp phủ ái nước(hydrophillic coating) Hai marker đánh dấu.	Cái	10	
9	DQCT.25.9	Stent Khung giá đỡ mạch ngoại biên	Giá đỡ mạch chi tự bung.Tương thích với guidewire 0.035", hệ thống can thiệp 5F. Hệ thống thả ENTRUST được thiết kế đặc biệt (One hand) giúp việc thả stent đơn giản, ngoài ra với thiết kế ba trục (Triaxial System) nhằm kiểm soát tối đa mức độ chính xác của vị trí bung stent. Chiều dài hệ thống: 80,120,150cm Đường kính stent: 5,6,7,8mm Chiều dài stent: 20,40,60,80,100,120,150mm.	Cái	5	
10	DQCT.25.10	Coils Cuộn nút tắc mạch ngoại biên	Vòng xoắn kim loại chất liệu platinum, gây tắc mạch ngoại vi, được gắn các sợi bằng chất liệu Nylon hoặc PGLA, với công nghệ Lattice FX độc quyền. Hoàn toàn có thể thu lại sau khi triển khai toàn phần hoặc một phần, dễ dàng thay đổi vị trí bung. Đường kính từ 2mm-20mm, chiều dài từ 2-50 cm. Với hai hình dạng là Helix và 3D. Tương thích với ống thông có đường kính trong nhỏ nhất 0.0165" - 0.021". Hệ thống vòng xoắn kim loại (coil) là hệ thống cắt bằng cơ học (Detachable)	Cái	15	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	ĐQCT.25.11	Bóng nong mạch máu ngoại vi siêu cứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch máu ngoại vi siêu cứng, sử dụng dây dẫn 0.035".</li> <li>- Áp suất làm việc bình thường 8 atm. Áp lực vỡ bóng tối đa lên tới 40 atm cho các đường kính từ 4-7mm.</li> <li>- Đường kính bóng: 4 - 10 mm và 12 mm</li> <li>- Chiều dài Catheter 50 / 75 cm.</li> <li>- Chiều dài bóng: 2 - 10 cm tùy theo đường kính bóng.</li> <li>- Sử dụng dụng cụ mở đường (sheath) có chiều dài 6F/7F/8F tùy theo chiều dài và đường kính bóng.</li> <li>- Bóng làm bằng vật liệu composite với thiết kế dạng sợi bền hơn.</li> <li>- Công nghệ ultra non-compliant (không đàn hồi) tạo lực căng tối ưu (8 – 40 ATM) để điều trị các vị trí tổn thương khó trị nhưng không làm vỡ bóng.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	35	
12	ĐQCT.25.12	Bóng nong mạch máu ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch máu ngoại vi, sử dụng dây dẫn 0.014".</li> <li>- Áp suất làm việc bình thường 6 atm, định mức nổ bóng tối đa 15atm/16atm tùy theo kích thước bóng.</li> <li>- Đường kính bóng: 1.5mm - 5mm</li> <li>- Chiều dài bóng: 2 - 30 cm tùy theo đường kính bóng.</li> <li>- Sử dụng sheath 4F/5F.</li> <li>- Chiều dài Catheter: 150 cm.</li> <li>- Lớp phủ ái nước (Hydrophilic) kép Ultra-Cross™ được thiết kế để giảm ma sát.</li> <li>- Thiết kế điểm Checker™ Flex giúp bóng dễ dàng uốn cong nhẹ nhàng theo hình dạng của tổn thương.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	15	
13	ĐQCT.25.13	Bóng nong mạch máu ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch máu ngoại vi sử dụng dây dẫn 0.018".</li> <li>- Áp suất làm việc bình thường 6 atm. Bóng có đường kính nhỏ áp suất nổ bóng có thể lên đến 16 atm.</li> <li>- Chiều dài Catheter 75cm/130cm/150cm</li> <li>- Đường kính 2 - 9mm</li> <li>- Chiều dài bóng: 2 - 30 cm tùy theo kích thước bóng.</li> <li>- Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath) 4F / 5F / 6F.</li> <li>- Lớp phủ ái nước (Hydrophilic) kép Ultra-Cross™ được thiết kế để giảm ma sát.</li> <li>- Thiết kế điểm Checker™ Flex giúp bóng dễ dàng uốn cong nhẹ nhàng theo hình dạng của tổn thương.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	5	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
14	DQCT.25.14	Bóng nong mạch máu ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch máu ngoại vi sử dụng dây dẫn 0.035".</li> <li>- Áp suất làm việc bình thường 8 atm cho đường kính từ 3mm-7mm và 6 atm cho đường kính từ 8mm-12mm. Áp lực vỡ bóng có thể lên tới 21 atm đối với bóng có đường kính nhỏ.</li> <li>- Đường kính 3 - 10mm và 12mm</li> <li>- Chiều dài 20 - 300 mm tùy theo kích thước bóng.</li> <li>- Chiều dài Catheter: 75 / 130 cm.</li> <li>- Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath) 5F / 6F / 7F.</li> <li>- GeoAliGn™ Marker Bands được thiết kế trên trục của ống thông khoảng cách 1 cm, làm tăng hiệu quả trong quá trình phẫu thuật.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	25	
15	DQCT.25.15	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc 2 µg/mm<sup>2</sup> paclitaxel và chất polysorbate / sorbitol sử dụng dây dẫn 0.035".</li> <li>- Áp suất làm việc bình thường 6 - 7 atm; Bóng có đường kính nhỏ áp lực tối đa lên tới 12 atm.</li> <li>- Đường kính bóng 4 - 12 mm;</li> <li>- Chiều dài bóng 20 - 150 mm tùy theo kích thước đường kính bóng.</li> <li>- Chiều dài Catheter 75 / 100 / 130 cm.</li> <li>- GeoAliGn™ Marker Bands được thiết kế trên trục của ống thông khoảng cách 1 cm, làm tăng hiệu quả trong quá trình phẫu thuật.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	10	
16	DQCT.25.16	Bóng nong động tĩnh mạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong được thiết kế cho các tĩnh mạch chậu và được sử dụng rộng rãi phạm vi đường kính lớn. Sử dụng dây dẫn 0.035".</li> <li>- Hai điểm đánh dấu cân quang xác định chiều dài làm việc của bóng và hỗ trợ đặt đúng vị trí tổn thương .</li> <li>- Đường kính 12-18mm, chiều dài 2cm,4cm,6cm. Đường kính 20-26mm, chiều dài 2cm, 4cm.</li> <li>- Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm.</li> <li>- Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath): 7F/8F/9F/10F/12F</li> <li>- Bóng có áp lực làm việc bình thường 4 - 6atm, Bóng có đường kính nhỏ áp lực tối đa lên tới 18atm</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	5	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
17	ĐQCT.25.17	Giá đỡ động mạch có lớp bao PTFE	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đỡ động mạch có lớp bao PTFE, bung bằng bóng (covered Stent), Làm bằng vật liệu thép không rỉ mới và được bao phủ bởi hai lớp ePTFE với độ dày 10 – 40 µm;</li> <li>- Lớp ePTFE dạng vi xấp cải tiến giúp hạn chế sự tăng sinh của tầng sinh lớp nội mạc của mạch máu;</li> <li>- Thiết kế nón bóng ngăn để giảm thiểu các nguy cơ của ống thông bị rối trong kỹ thuật kissing stent;</li> <li>- Chất liệu bóng Polyamide, chất liệu trực thân Polyamide with radiopacifier và Radiopaque marker bands</li> <li>- Chiều dài Cover Stent: 16 - 58mm, thay đổi tùy thuộc vào đường kính Cover Stent</li> <li>- Đường kính Cover Stent: 5 - 10 mm và 12 mm</li> <li>- Chiều dài Catheter: 80 / 135 cm;</li> <li>- Bóng có áp lực làm việc bình thường 8 atm và áp lực vỡ bóng 12 atm;</li> <li>- Sử dụng dụng cụ mở đường (Sheath) 6F / 7F / 8F;</li> <li>- Sử dụng wire 0.035</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	2	
18	ĐQCT.25.18	Khung giá đỡ mạch máu ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đỡ mạch máu ngoại biên tự bung.</li> <li>- Được làm bằng hợp kim nitinol (nickel, titanium) với thiết kế dạng lưới xoắn ốc tạo khả năng linh động.</li> <li>- Thiết kế đặc biệt 12 marker bằng Tantalum ở đầu xa và gần của stent giúp dễ dàng quan sát khi thao tác.</li> <li>- Các điểm đánh dấu cách nhau mỗi điểm 1cm và điểm dây là 5cm</li> <li>- Hệ thống bung stent bằng 3 trục</li> <li>- Tương thích dụng cụ mở đường 5F</li> <li>- Đường kính Stent: 5 - 7mm</li> <li>- Chiều dài Stent: 20 - 170mm với đường kính 5mm</li> <li>- Chiều dài Stent: 20 - 150mm với đường kính 6mm</li> <li>- Chiều dài Stent: 20 - 120mm với đường kính 7mm</li> <li>- Chiều dài catheter: 80cm hoặc 135cm</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	10	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19	DQCT.25.19	Khung giá đỡ động mạch có màng bọc tự bung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đỡ động mạch có lớp bao ePTFE, tự bung</li> <li>- Đa dạng về đường kính và độ dài để điều trị trong tổn thương hẹp nội - ngoại vi ở bệnh nhân ghép AV và AV rò rỉ</li> <li>- Các điểm đánh dấu căn quang (markers) hỗ trợ độ chính xác vị trí tuyệt vời</li> <li>- Được bao phủ bởi lớp ePTFE kép đã chứng minh giảm tỷ lệ tái hẹp trong Stent so với PTA</li> <li>- Lớp carbon hoạt tính sinh học được thiết kế để giảm kết tập tiểu cầu ở giai đoạn đầu</li> <li>- Đường kính Cover Stent : 6 - 10 mm</li> <li>- Chiều dài Cover Stent: 30 - 100 mm</li> <li>- Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm;</li> <li>- Sử dụng wire 0.035"</li> <li>- Sử dụng dụng cụ mở đường (Sheath) 8F / 9F</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	3	
20	DQCT.25.20	Khung giá đỡ (stent) tĩnh mạch tự bung	<ul style="list-style-type: none"> <li>Stent tĩnh mạch được thiết kế để điều trị tĩnh mạch chậu đùi không huyết khối và sau huyết khối</li> <li>- Đầu lọc 3 mm độc đáo được thiết kế để giảm di chuyển stent và tối đa hóa vị trí áp sát thành mạch</li> <li>- Được thiết kế để sử dụng trong tắc nghẽn tĩnh mạch chậu</li> <li>- Kết cấu mở, thiết kế linh hoạt để phù hợp với độ cong của mạch trong khi duy trì đường kính</li> <li>- Đường kính Stent : 10 - 20 mm</li> <li>- Chiều dài Stent: 40 - 160 mm</li> <li>- Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm;</li> <li>- Sử dụng dụng cụ mở đường 8F / 9F / 10F tùy thuộc vào đường kính Stent</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	5	
21	DQCT.25.21	Thiết bị bơm bóng áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao:</li> <li>- Áp lực tối đa 40 atm.</li> <li>- Thể tích bơm tiêm 30ml.</li> <li>- Bơm bóng với cả áp suất thấp lẫn áp suất cao.</li> <li>- Dung tích ống lớn cho phép nhanh chóng dễ dàng giảm áp.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	30	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	ĐQCT.25.22	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên, sử dụng dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035".</li> <li>- Chiều dài catheter 65/90/135/150 cm.</li> <li>- Sử dụng dụng cụ mở đường (sheath): 4F, 5F</li> <li>- Tối ưu hóa khả năng đẩy và khả năng đo chiều dài tổn thương một cách độc đáo. Mỗi vạch trắng và đen trên trục của ống thông cách nhau 1 cm, mỗi 10 cm có 1 vạch kép.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	10	
23	ĐQCT.25.23	Miếng vá mạch máu nhân tạo PTFE	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miếng đệm khâu vá mạch máu</li> <li>- Chất liệu PTFE</li> <li>- Kích thước: 2,5 x 15,2 cm</li> <li>- Độ dày thông thường: 1.65mm</li> <li>- Miếng vá tím, vá mạch máu, hình chữ nhật, giúp bảo vệ mô khỏi bị vỡ hoặc ma sát do chỉ khâu gây ra</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	20	
24	ĐQCT.25.24	Dây dẫn Guide Wire 0.035" (150cm)	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi.</li> <li>- Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten.</li> <li>- Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat.</li> </ul> <p>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled)</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây dẫn: 150 cm</li> <li>- Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm</li> <li>- Đường kính: 0.035"</li> </ul>	Cái	200	
25	ĐQCT.25.25	Vi ống thông	<p>Cấu trúc 3 lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp trong: phủ lớp PTFE</li> <li>- Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cân quang</li> <li>- Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat</li> </ul> <p>Đầu vi ống thông có điểm đánh dấu cân quang platinum/iridium 0.7mm</p> <p>Kích thước: Đường kính : 2.0Fr, 2.4Fr. Chiều dài: 110cm, 130 cm.</p> <p>Sản xuất tại các nước G7</p>	Cái	20	
26	ĐQCT.25.26	Dây dẫn Guide Wire 0.035" (260cm)	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi.</li> <li>- Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten</li> <li>- Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat</li> </ul> <p>Hình dạng đầu: đầu cong, đầu thẳng (Angled, Straight)</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây dẫn: 260 cm</li> <li>- Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm</li> <li>- Đường kính: 0.035"</li> </ul>	Cái	100	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
27	DQCT.25.27	Dụng cụ đóng mạch	<p>Cấu tạo gồm các thành phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dụng cụ đóng mạch</li> <li>- 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm</li> <li>- 01 dilator</li> <li>- 01 sheath</li> </ul> <p>Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch.</p> <p>Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày.</p> <p>Kích cỡ: 6Fr và 8Fr</p> <p>Sản xuất tại các nước G7</p>	Cái	20	
28	DQCT.25.28	Ống thông 4F, chiều dài các cỡ	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp trong giàu nylon</li> <li>- Lớp bên kép thép không gỉ giúp truyền chuyển động xoay hiệu quả</li> <li>- Công nghệ Terumo Glide Technology giúp tiếp cận mạch máu khó một cách mượt mà</li> </ul> <p>Kiểu đầu thiết kế chuyên dụng cho tiếp cận qua động mạch quay (R.A.V.I): MG1, MG2</p> <p>Kích cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: 4Fr</li> <li>- Chiều dài: 125cm; 135cm; 150cm</li> <li>- Lớp phủ ái nước: 15cm hoặc 40cm đầu xa</li> <li>- Dây dẫn tương thích: 0.0038"/0.97 mm</li> <li>- Áp lực bơm tối đa: 750 psi</li> </ul> <p>Sản xuất tại các nước G7</p>	Cái	20	
29	DQCT.25.29	Vi dây dẫn các loại, các cỡ	<p>Cấu tạo đồng trục gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lõi Nitinol siêu đàn hồi.</li> <li>- Lớp ngoài Polyurethane</li> <li>- Lớp phủ ái nước hydrophilic</li> </ul> <p>- Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) dài 2cm tăng cường tính cản quang</p> <p>- Đầu xa linh hoạt dài, được vuốt thon</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm</li> <li>- Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016"</li> <li>- Hình dạng đầu vào: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150°</li> </ul> <p>Sản xuất tại các nước G7</p>	Cái	20	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
30	ĐQCT.25.30	Hạt tải thuốc điều trị ung thư gan kích thước 100 ± 25 µm	<p>Công thức mới: PEG (Polyethylene Glycol), ái nước, độ nén và đàn hồi cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ hạt được hiệu chuẩn chặt chẽ và được đánh dấu nhân màu giúp dễ nhận diện: 100 ± 25 µm (đen), 200 ± 50 µm (vàng), 400 ± 50 µm (xanh), trình bày dạng ống tiêm nạp sẵn.</li> <li>- Thể tích hạt nút mạch 2ml, đóng gói trong 4ml dung dịch nước muối sinh lý đệm vô trùng (PBS). Mỗi 1ml hạt Lifepearl có thể ngâm 37.5mg Doxorubicin</li> <li>- Được bổ sung thêm các Sulfonate liên kết để giữ và phóng thích thuốc có kiểm soát trong gan</li> <li>- Vật liệu PEG giúp giảm thời gian tạo thể hỗn dịch nhằm tối đa hóa thời gian tồn tại ở trạng thái hỗn dịch (trên 2 phút)</li> <li>- Khả năng tải các loại thuốc: Doxorubicin, Idarubicin, Epirubicin, Irinotecan</li> </ul> <p>Tương thích ống thông đường kính 0.019" Sản xuất tại các nước G7</p>	Ống	5	
31	ĐQCT.25.31	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, 2.7Fr	<p>Vi ống thông 2.7Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm</p> <p>Cấu trúc 3 lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp trong: phủ lớp PTFE</li> <li>- Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cân quang</li> <li>- Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat</li> </ul> <p>Kích thước: đường kính: 2.7Fr, chiều dài: 110 cm hoặc 130 cm</p> <p>Thông số dây dẫn đi kèm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ 0.021"</li> <li>- Lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi</li> <li>- Đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm</li> <li>- Lớp áo ngoài hydrophilic M Coat</li> </ul> <p>Sản xuất tại các nước G7</p>	Cái	20	
32	ĐQCT.25.32	Ống thông chụp chẩn đoán tạng, đường kính 5Fr, chiều dài 70cm, 100cm.	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp ngoài polyurethane</li> <li>- Lớp giữa là lớp bện đơn SUS</li> <li>- Lớp trong giàu nylon</li> </ul> <p>Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 2.5cm hoặc 40cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm).</li> </ul> <p>Chiều dài: 70cm, 100cm</p> <p>Sản xuất tại các nước G7</p>	Cái	50	
33	ĐQCT.25.33	Bộ vi ống thông can thiệp toce 2.6Fr	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi ống thông (có kèm dây dẫn, dụng cụ điều hướng rời) với đầu ống thông nhỏ 2.6Fr.</li> <li>- Đường kính ngoài xa/gần: 2.6/2.8Fr.</li> <li>- Lòng ống rộng 0.69mm.</li> <li>- Ống thông được viền bằng sợi bện Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống.</li> <li>- Áp lực bơm lên tới 1000psi.</li> <li>- Lớp phủ ái nước: 65cm.</li> <li>- Dây dẫn đi kèm 0.021inch với hình dạng đầu dây: cong 80° hoặc cong đa góc.</li> <li>- Chiều dài khả dụng 105, 125cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Bộ	10	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
34	DQCT.25.34	Vi ống thông can thiệp toce siêu nhỏ 1.9Fr/2.6Fr	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu ống cỡ 1.9Fr hoặc 2.6Fr.</li> <li>- Được bên bằng sợi bên Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống.</li> <li>- Áp lực bơm lên tới 1000psi.</li> <li>- Lớp phủ ái nước: 65, 100cm.</li> <li>- Đường kính ngoài xa/gần: 1.98/2.8 Fr (Soft), 2.6/2.8Fr (HF).</li> <li>- Đường kính trong: 0.022inch (Soft), 0.027inch (HF).</li> <li>- Dây dẫn tối đa: 0.018inch (Soft), 0.021inch (HF).</li> <li>- Chiều dài khả dụng 105, 125, 150cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Cái	10	
35	DQCT.25.35	Vi ống thông can thiệp toce siêu nhỏ 1.7Fr	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu ống siêu nhỏ 1.7Fr thuận mềm bám sát dây dẫn (tương thích với dây dẫn 0.016inch).</li> <li>- Ống thông được bên bởi 2 dây (độ dày khác nhau) giúp chống xoắn, chống co giãn ống thông và hiển thị cao.</li> <li>- Đường kính ngoài xa/gần: 1.7/2.8Fr.</li> <li>- Đường kính trong xa/gần: 0.017/0.023inch.</li> <li>- Thiết kế ống thuận dẫn cho phép phân hồi xúc giác tốt và đảm bảo dòng chảy đều.</li> <li>- Áp lực bơm lên tới 1000 psi.</li> <li>- Lớp phủ ái nước: 65, 100cm.</li> <li>- Chiều dài khả dụng 105, 125, 150cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Cái	5	
36	DQCT.25.36	Dây dẫn (vi dây dẫn) can thiệp mạch máu ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép</li> <li>- Đường kính 0.016inch, lớp phủ ái nước SLIP COAT® trên nền polymer chiều dài 130, 160, 175cm từ đầu dây tương ứng chiều dài dây dẫn lần lượt 135, 165, 180cm.</li> <li>- Dây dẫn có lõi chất liệu thép không gỉ.</li> <li>- Đầu tip có dạng: cong 45°, cong kép và cong tròn.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Cái	20	
37	DQCT.25.37	Vật liệu nút mạch tạm thời các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt vi cầu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dùng trong điều trị ung thư gan, u xơ cổ tử cung, phì đại tuyến tiền liệt và vỡ động mạch.</li> <li>- Kích thước hạt vi cầu: 100-900µm, các hạt được hiệu chỉnh kích thước đồng nhất.</li> <li>- Có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tính tương thích sinh học, ưa nước, hấp thụ trong mạch máu.</li> <li>- Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa khoảng 250-300mg hạt vi cầu dạng nén.</li> <li>- Có chứng loại hấp thụ trong vòng 24 tiếng.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO, CE và MFDS Hàn Quốc.</li> </ul>	Lọ	20	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
38	ĐQCT.25.38	Vật liệu nút mạch tạm thời các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi hạt được sử dụng để nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan và kiểm soát chảy máu.</li> <li>- Kích thước hạt: 150-3500µm.</li> <li>- Hạt có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tắc mạch và hấp thụ hiệu quả trong mạch máu, không có chứa chất gây hại.</li> <li>- Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa 150mg vật liệu.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO và MFDS Hàn Quốc.</li> </ul>	Lọ	20	
39	ĐQCT.25.39	Ống thông dùng trong can thiệp mạch	Chiều dài khả dụng 80, 90, 95, 100, 105 cm; đường kính ngoài đầu gần/xa: 6F/6F, 8F/8F; đường kính trong .070in, .088in; có dạng đầu tip thẳng, MP. Tiêu chuẩn: ISO, FDA.	Cái	10	
40	ĐQCT.25.40	Kim đồng trục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim đồng trục (dùng với BioPince Ultra) được sử dụng với thiết bị kim sinh thiết có khóa bên hoặc lõi đầy đủ để thực hiện sinh thiết mô mềm qua da.</li> <li>- Kim đồng trục kích thước: 14G, 15G, 16G, 17G; chiều dài: 6.8cm, 11.8cm, 16.8cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA.</li> </ul>	Cái	10	
41	ĐQCT.25.41	Kim sinh thiết nguyên lõi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim sinh thiết nguyên lõi BioPince Ultra dùng 1 lần dùng thu thập nhiều mẫu lõi từ mô mềm như gan, thận, các mô ở bụng để chẩn đoán lâm sàng.</li> <li>- Công nghệ thu thập mẫu nguyên lõi giúp giảm thiểu hư mẫu và tổn thương mô.</li> <li>- Đường kính: 16G, 18G.</li> <li>- Chiều dài kim: 10cm, 15cm, 20cm.</li> <li>- Độ dài lấy mẫu có thể điều chỉnh: 13mm, 23mm, 33mm.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA.</li> </ul>	Cái	10	
42	ĐQCT.25.42	Bộ vi ống thông can thiệp toce 2.6Fr	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi ống thông (có kèm dây dẫn, dụng cụ điều hướng rời) với đầu ống thông nhỏ 2.6Fr.</li> <li>- Đường kính ngoài xa/gần: 2.6/2.8Fr.</li> <li>- Lòng ống rộng 0.69mm.</li> <li>- Ống thông được viền bằng sợi bện Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống.</li> <li>- Áp lực bơm lên tới 1000psi.</li> <li>- Lớp phủ ái nước: 65cm.</li> <li>- Dây dẫn đi kèm 0.021inch với hình dạng đầu dây: cong 80° hoặc cong đa góc.</li> <li>- Chiều dài khả dụng 105, 125cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Bộ	15	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
43	ĐQCT.25.43	Vi ống thông can thiệp toce siêu nhỏ 1.9Fr/2.6Fr	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu ống cỡ 1.9Fr hoặc 2.6Fr.</li> <li>- Được bện bằng sợi bện Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống.</li> <li>- Áp lực bơm lên tới 1000psi.</li> <li>- Lớp phủ ái nước: 65, 100cm.</li> <li>- Đường kính ngoài xa/gần: 1.98/2.8 Fr (Soft), 2.6/2.8Fr (HF).</li> <li>- Đường kính trong: 0.022inch (Soft), 0.027inch (HF).</li> <li>- Dây dẫn tối đa: 0.018inch (Soft), 0.021inch (HF).</li> <li>- Chiều dài khả dụng 105, 125, 150cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Cái	15	
44	ĐQCT.25.44	Vi ống thông can thiệp toce siêu nhỏ 1.7Fr	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu ống siêu nhỏ 1.7Fr thuận mềm bám sát dây dẫn (tương thích với dây dẫn 0.016inch).</li> <li>- Ống thông được bện bởi 2 dây (độ dày khác nhau) giúp chống xoắn, chống co giãn ống thông và hiển thị cao.</li> <li>- Đường kính ngoài xa/gần: 1.7/2.8Fr.</li> <li>- Đường kính trong xa/gần: 0.017/0.023inch.</li> <li>- Thiết kế ống thuận dần cho phép phản hồi xúc giác tốt và đảm bảo dòng chảy đều.</li> <li>- Áp lực bơm lên tới 1000 psi.</li> <li>- Lớp phủ ái nước: 65, 100cm.</li> <li>- Chiều dài khả dụng 105, 125, 150cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Cái	5	
45	ĐQCT.25.45	Dây dẫn (vi dây dẫn) can thiệp mạch máu ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép</li> <li>- Đường kính 0.016inch, lớp phủ ái nước SLIP COAT® trên nền polymer chiều dài 130, 160, 175cm từ đầu dây tương ứng chiều dài dây dẫn lần lượt 135, 165, 180cm.</li> <li>- Dây dẫn có lõi chất liệu thép không gỉ.</li> <li>- Đầu tip có dạng: cong 45°, cong kép và cong tròn.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.</li> </ul>	Cái	20	
46	ĐQCT.25.46	Vật liệu nút mạch tạm thời các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt vi cầu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dùng trong điều trị ung thư gan, u xơ cổ tử cung, phì đại tuyến tiền liệt và vỡ động mạch.</li> <li>- Kích thước hạt vi cầu: 100-900µm, các hạt được hiệu chỉnh kích thước đồng nhất.</li> <li>- Có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tính tương thích sinh học, ưa nước, hấp thụ trong mạch máu.</li> <li>- Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa khoảng 250-300mg hạt vi cầu dạng nén.</li> <li>- Có chủng loại hấp thụ trong vòng 24 tiếng.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO, CE và MFDS Hàn Quốc.</li> </ul>	Lọ	20	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
47	ĐQCT.25.47	Vật liệu nút mạch tạm thời các loại, các cỡ	- Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi hạt được sử dụng để nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan và kiểm soát chảy máu. - Kích thước hạt: 150-3500µm. - Hạt có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tắc mạch và hấp thụ hiệu quả trong mạch máu, không có chứa chất gây hại. - Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa 150mg vật liệu. - Tiêu chuẩn: ISO và MFDS Hàn Quốc.	Lọ	20	
48	ĐQCT.25.48	Ống thông dùng trong can thiệp mạch	Chiều dài khả dụng 80, 90, 95, 100, 105 cm; đường kính ngoài đầu gần/xa: 6F/6F, 8F/8F; đường kính trong .070in, .088in; có dạng đầu tip thẳng, MP. Tiêu chuẩn: ISO, FDA.	Cái	10	
49	ĐQCT.25.49	Ống thông hút huyết khối	Đường kính ngoài đầu gần/xa: 8F/8F; Chiều dài 85cm và 115cm. Tiêu chuẩn: ISO, FDA.	Cái	5	
50	ĐQCT.25.50	Dụng cụ chọc tách huyết khối	Đường kính ngoài đầu xa: .055, .072in; tổng chiều dài: 150, 175cm. Tiêu chuẩn: ISO, FDA.	Cái	5	
51	ĐQCT.25.51	Dây nối ống thông hút huyết khối	Dùng kết nối với máy bơm hút huyết khối, có công tắc on/off. Tiêu chuẩn: ISO, FDA.	Cái	10	
52	ĐQCT.25.52	Vi ống thông can thiệp TOCE đầu tip 1.9F	Vi ống thông thuận dài, thiết kế đặc biệt hình dạng đầu vát bút chì, marker tại vị trí đầu xa. Có độ cân quang cao. - Độ cứng dây dẫn thay đổi từ phần thân cứng đến đầu tip mềm, với 10 độ cứng khác nhau, giúp tăng khả năng theo dõi, đẩy, và chống xoắn tốt. - Chiều dài: 110cm, 130cm, 150cm. - Có sẵn 3 hình dạng đầu: Straight, Angle, Double Angle. Phủ lớp ái nước tối ưu. - Đường kính trong 0.019"/0.022", tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.018". - Đường kính ngoài tại vị trí của marker, đầu xa, đầu gần tương đương với 1.9F-2.2F-2.8F.	Cái	15	
53	ĐQCT.25.53	Vi ống thông can thiệp TOCE đầu tip 2.7F	Vi ống thông thuận dài, đầu tip thiết kế đặc biệt hình dạng đầu vát bút chì, đầu cân quang bằng hợp kim Platinum tại vị trí đầu xa. Độ cân quang cao. Chất liệu: Nhựa urethane, polyamide và Fluoro, lớp tăng cường tungsten. Phủ lớp ái nước tối ưu. - Chiều dài: 110cm, 130cm, 150cm. Hình dạng đầu tip thẳng. - Đường kính trong 0.027", tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.021". - Đường kính ngoài tại vị trí của đầu cân quang, đầu xa, đầu gần tương đương với 2.7F, 2.7F, 2.8F. - Áp lực tối đa 6,895 kPa. Thể tích rỗng từ 0.53-0.68mL.	Cái	10	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
54	ĐQCT.25.54	Vi dây dẫn can thiệp TOCE phủ lớp ái nước, đường kính 0.016"	<p>Chất liệu: Lõi bằng thép không rỉ và đầu tip bằng hợp kim Platinum được bao phủ polyurethane resin và lớp ái nước polyvinyl pyrrolione.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tip có thể tái tạo hình, chiều dài cho phép tái tạo hình 30mm.</li> <li>- Đường kính: 0.016", chiều dài đầu cần quang 3cm, đầu hình dạng thun bút chì 40cm.</li> <li>- Chiều dài: 110cm, 165cm, 180cm. Lớp ái nước bao phủ toàn bộ chiều dài dây dẫn.</li> <li>- Đi kèm dụng cụ định hình; torque; inserter.</li> </ul>	Cái	30	
55	ĐQCT.25.55	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan, kích thước 70 - 500µm	<p>Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần là các hạt Hydrogel được tạo từ cồn Polyvinyl có khả năng tương thích sinh học, tan trong nước, không bị cơ thể hấp thu và được hiệu chuẩn chính xác.</li> <li>- Lọ 10 ml chứa 2 ml hạt trong dung dịch nước muối đệm sinh lý</li> <li>- Quá trình tải và rửa giải của hạt tải thuốc đạt được thông qua cơ chế trao đổi ion sulfonic thuận nghịch.</li> <li>- Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất được nhuộm xanh để hỗ trợ trực quan trong quá trình chuẩn bị và tải thuốc, có 3 loại kích thước hạt từ 70-150µm; 100-300µm; 300-500µm.</li> <li>- Có khả năng tắc mạch máu trong khối u ác tính và truyền hóa chất Doxorubicin, Irinotecan điều trị ung thư biểu mô tế bào gan nguyên phát hoặc thứ phát do khối u đại trực tràng di căn gan.</li> <li>- Thời gian tải thuốc trong khoảng 30-90 phút tùy kích thước hạt khi tải với Doxorubicin 25mg/ml đảm bảo tải <math>\geq 98\%</math> lượng thuốc tương ứng. Kiểm soát việc phóng thích thuốc trong quá trình điều trị.</li> <li>- Hạt sau khi tải doxorubicin, Irinotecan bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được tới 14 ngày hoặc 7 ngày nếu đã trộn cần quang</li> <li>- Khả năng ngậm thuốc doxorubicin lên đến 37.5mg/ml hạt.</li> </ul>	Lọ	15	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
56	ĐQCT.25.56	Hạt nút mạch làm từ hạt nhựa Polyvinyl Alcohol	<p>"Hạt nút mạch làm từ hạt nhựa PVA (Polyvinyl Alcohol),</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để chặn mạch hoặc giảm lưu lượng của máu trong mạch mục tiêu tùy theo việc đặt có chọn lọc thông qua nhiều loại ống thông truyền.</li> <li>- Hạt nút mạch được đóng gói vô trùng 1cm<sup>3</sup> (1cc) thể tích khô mỗi lọ, trong túi vô trùng. Có kích cỡ hạt từ 45-1180 micron, có nhiều kích thước phân theo màu sắc khác nhau để dễ dàng sử dụng.</li> <li>- Được chỉ định để nút mạch các khối u tăng sinh mạch máu ngoại biên, bao gồm các u xơ tử cung và dị dạng động tĩnh mạch ngoại biên (AVMs).</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA, CFS, ISO 13485</li> </ul>	Lọ	30	
57	ĐQCT.25.57	Vật liệu nút mạch tạm thời, bằng gelatin	<p>Vật liệu nút mạch tạm thời có nguồn gốc từ gelatin, kích thước được hiệu chuẩn chính xác, đóng gói dạng ống tiêm sẵn sàng để sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước hạt từ 50-4000µm, được chia thành 8 kích cỡ: 50-150µm; 150-350µm; 350-560µm; 560-710µm; 710-1000µm; 1000-1400µm; 1400-2000µm; 2000-4000µm</li> <li>- Khả năng dung nạp mạnh với dầu ethiodized giúp hạt tắc mạch dễ quan sát dưới cân quang</li> <li>- Có tác dụng làm chậm hoặc ngăn dòng chảy trong mạch máu tại khu vực quanh khối u</li> <li>- Giúp thúc đẩy sự hình thành huyết khối trong động mạch hoặc tĩnh mạch bằng cơ chế nhân tạo để ngăn chặn hoặc làm chậm dòng máu.</li> <li>- Thiết kế dạng ống tiêm 20ml chứa khoảng 100mg vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng.</li> </ul>	Lọ	30	
58	ĐQCT.25.58	Kim đốt sóng cao tần thay đổi chiều dài đầu hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu hình 1 bộ gồm kim đốt sóng cao tần, bộ dây dẫn nước làm mát đầu kim và bản cực trung tính gắn liền cáp nối</li> <li>- Thích hợp cho bệnh nhân với nhiều khối u có kích thước khác nhau, hình dạng vết thương không bình thường và những vết thương nằm bên cạnh vùng cấu tạo quan trọng</li> <li>- Có nhiều loại cỡ khác nhau: 18G, 17G, 16G, 15G</li> <li>- Chiều dài làm việc từ 70 mm đến 350 mm tùy thuộc vào kích cỡ của từng loại kim đốt khác nhau</li> </ul>	Cái	5	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
59	DQCT.25.59	Kim đốt sóng cao tần chùm 03 kim đốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu hình 1 bộ gồm: chùm 03 kim đốt sóng cao tần có thể tách rời, bộ dây dẫn nước làm mát đầu kim và bản cực trung tính gắn liền cấp nối.</li> <li>- Đường kính các kim: 17G, 15G</li> <li>- Chiều dài làm việc có 02 kích thước: 150mm và 200mm tùy thuộc vào lựa chọn của người sử dụng</li> <li>- Chiều dài đầu hoạt động (đầu phát nhiệt) từ 20 mm đến 50mm</li> </ul>	Cái	5	
60	DQCT.25.60	Kim đốt vi sóng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu sản xuất kim có hiệu suất cao và quá trình được điều khiển để đảm bảo kết nối ổn định và chắc chắn</li> <li>- Bên ngoài được phủ một lớp vật liệu đặc biệt để tránh việc bám dính mô trong quá trình đốt</li> <li>- Đầu kim sắc nhọn, đường kính kim nhỏ, ít xâm lấn</li> <li>- Kim được thiết kế với hệ thống làm mát bên trong, có một cảm biến nhiệt độ trong thân kim xác định nhiệt độ nước làm mát.</li> <li>- Có thể kết hợp sử dụng đầu dò nhiệt để xác định nhiệt độ của các mô xung quanh vùng đốt.</li> <li>- Được thiết kế tăng cường tín hiệu để hiển thị hình ảnh kim rõ nét dưới hướng dẫn của siêu âm hoặc CT</li> <li>- Tần số: 2450MHz</li> <li>- Đường kính: 14G, 15G, 16G, 17G, 18G</li> <li>- Chiều dài kim: 70mm – 300mm tùy thuộc vào kích cỡ của từng loại kim đốt khác nhau.</li> <li>- Có tối thiểu các đầu hoạt động: 3mm, 5mm, 11mm, 25mm tùy thuộc vào kích cỡ và chiều dài kim khác nhau</li> </ul>	Cái	5	
61	DQCT.25.61	Kim sinh thiết tự động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim sinh thiết được thiết kế với 2 vị trí bấm, phù hợp với các trường hợp lâm sàng khác nhau</li> <li>- Có thiết kế khóa an toàn, tránh sự cố</li> <li>- Kim sinh thiết được thiết kế với lực đẩy mạnh, đường cắt sắc bén</li> <li>- Đường kính kim sinh thiết: từ 20G đến 14G</li> <li>- Chiều dài hoạt động của kim sinh thiết: từ 100mm đến 250mm, tùy thuộc vào các kích thước kim khác nhau</li> <li>- Đầu lấy mẫu: 11mm và 22mm.</li> <li>- Đường kính kim đồng trục: từ 19G đến 13G tùy thuộc vào kích cỡ của từng loại kim sinh thiết</li> <li>- Chiều dài kim đồng trục: từ 48mm đến 178mm tùy thuộc vào kích cỡ của từng loại kim sinh thiết.</li> <li>- Cấu hình gồm 1 kim sinh thiết, 1 kim đồng trục kèm theo nút chặn bằng nhựa giúp cố định kim đồng trục và đánh dấu độ sâu thâm nhập.</li> </ul>	Cái	20	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
62	ĐQCT.25.62	Kim sinh thiết bán tự động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim sinh thiết được thiết kế với lực đẩy mạnh, đường cắt sắc bén và hiển thị rõ dưới hình ảnh siêu âm;</li> <li>- Đường kính kim sinh thiết: từ 20G đến 14G;</li> <li>- Chiều dài hoạt động kim sinh thiết: từ 60mm đến 300mm, tùy thuộc vào các kích thước kim khác nhau;</li> <li>- Đầu lấy mẫu với 2 mức lựa chọn: 10mm và 20mm</li> <li>- Đường kính kim đồng trục: từ 19G đến 13G tùy thuộc và kích cỡ của từng loại kim sinh thiết;</li> <li>- Chiều dài kim đồng trục: từ 48mm đến 248mm tùy thuộc và kích cỡ của từng loại kim sinh thiết.</li> <li>- Cấu hình gồm 1 kim sinh thiết, 1 kim đồng trục kèm theo nút chặn bằng nhựa giúp cố định kim đồng trục và đánh dấu độ sâu thâm nhập.</li> </ul>	Cái	20	
63	ĐQCT.25.63	Ống thông chẩn đoán động mạch 5F, ái nước, 70- 100cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông chẩn đoán và can thiệp loại Grafix được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng, ngoại biên và mạch vành (Cobra I,II,III/ Vert/ Simmons I,II,III/ Yashiro/ RH/ Judkins Right/ Judkins Left/ TiG/ PIG Tail,...)</li> <li>- Lốp ngoài và lòng trong catheter có chất liệu nhựa Pebax</li> <li>- Phần thân được thiết kế với công nghệ cấu trúc bện được đan bằng các sợi thép không gỉ (SUS) giúp chống xoắn vặn, cải thiện độ bền của trục, tăng khả năng đẩy.</li> <li>- Độ cản quang dưới màn hình huỳnh quang cao (chứa 40% BaSO4).</li> <li>- Đường kính lòng trong lớn cho tốc độ dòng chảy tốt.</li> <li>- Đường kính trong và đường kính ngoài tương ứng lần lượt: (1.00mm; 1.40mm - 4F); (1.08mm; 1.68mm - 5F) và (1.28mm; 1.32mm; 2.00mm - 6F).</li> <li>- Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI</li> <li>- Đa dạng chiều dài: 40cm - 150cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ul>	Cái	50	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
64	ĐQCT.25.64	Dù dạng lưới kim loại dùng đóng mạch ngoại biên	<p>Dù nút mạch loại Amplatzer Vascular Plug II</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tắc mạch khu vực đặt đa dạng</li> <li>- Tắc mạch nhanh: Thiết kế lưới Nitinol nhiều cuộn, đa lớp mang đến tắc mạch nhanh trong lòng mạch</li> <li>- Chính xác vị trí: Nhiều điểm tiếp xúc với thành mạch cho chính xác vị trí trong mạch có dòng chảy vừa và mạnh</li> <li>- Tương thích ống thông can thiệp hoặc dụng cụ mở đường : Tương thích dụng cụ mở đường 4-7F hoặc ống thông can thiệp 5-9F tùy vào kích thước thiết bị</li> <li>- Có thể thu hồi và đặt chính xác vị trí</li> <li>- Khoảng mạch điều trị được là: 2.0 -17 mm</li> <li>- Đường kính dù: 3, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22 mm; Chiều dài khi không ép: 6, 7, 9, 10, 12, 14, 16, 18 mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA</p>	Cái	10	
65	ĐQCT.25.65	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng mạch bằng chỉ tạo sẵn loại Proglide</li> <li>- Chỉ định cho sử dụng lỗ vào động mạch đùi 5F đến 21F; cho lỗ vào tĩnh mạch đùi 5F đến 24F</li> <li>- Không cản trở tiếp cận trở lại sau khi sử dụng dụng cụ đóng mạch</li> <li>- Sửa chữa bằng chỉ có thể đánh giá và xác nhận ngay tại bàn</li> <li>- Có khả năng duy trì đường vào dây dẫn</li> <li>- Có báo cáo lâm sàng: Giảm yêu cầu truyền máu đến 80%, Giảm bị nhiễm trùng đến 41%, Giảm bị tử vong trong 30 ngày sau can thiệp đến 70%, Ở lại bệnh viện ngắn hơn đến 42%</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA</p>	Cái	10	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
66	ĐQCT.25.66	Bộ dẫn lưu qua da	<p>* Dùng trong thủ thuật dẫn lưu mật, thận ra da, dẫn lưu ổ áp xe và các mục đích dẫn lưu khác</p> <p>* Chất liệu thermoplastic polyurethane (TPU: là polyurethane có tính cân quang và thích ứng tốt với nhiệt độ; đáp ứng được tất cả các tiêu chuẩn cao trong các thử nghiệm tương thích sinh học)</p> <p>* Số lượng lỗ trên ống <math>\geq 4</math> (catheter có đường kính <math>\geq 8\text{Fr}</math>); <math>\leq 3</math> lỗ (catheter có đường kính <math>\leq 7\text{Fr}</math>), kích thước lỗ <math>&gt; 2\text{mm}</math></p> <p>* Chiều dài đoạn pigtail 5 - 10cm</p> <p>* Thiết kế phần đầu có thể uốn cong thành dạng pigtail, cố định hình dạng pigtail bằng dây, có khóa; có đánh dấu chiều dài trên thân ống, đường kính trong lớn, dễ dẫn lưu dịch; tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.89mm</p> <p>* Đường kính: 5F, 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F, 14F, 16F, chiều dài catheter: 20cm, 25cm, 30cm, 35cm, 40cm</p> <p>* Đường kính pigtail đoạn cong 6F: <math>15.2 \pm 1.5</math> (mm); 7F: <math>19 \pm 1.5</math> (mm); 8F, 9F: <math>20 \pm 1.5</math> (mm); 10F: <math>22 \pm 1.5</math> (mm), 12F: <math>25 \pm 1.5</math> (mm); 14F: <math>26 \pm 1.5</math> (mm); 16: <math>28 \pm 1.5</math> (mm); giúp lựa chọn dẫn lưu phù hợp với kích thước và hình dạng tổn thương</p> <p>* Đầu tip thon nhọn dễ đẩy vào</p> <p>* Đầu kim chọc có lớp phân âm nhằm tăng độ cân quang</p> <p>* Các lỗ dẫn lưu to nhằm tăng khả năng dẫn lưu dịch</p> <p>* Có phủ lớp ái nước giúp dễ dàng đẩy</p>	Bộ	30	
67	ĐQCT.25.67	Ống thông chẩn đoán động mạch 5F, ái nước, 70- 100cm	<p>- Ống thông chẩn đoán và can thiệp loại Grafia được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng, ngoại biên và mạch vành (Cobra I,II,III/ Vert/ Simmons I,II,III/ Yashiro/ RH/ Judkins Right/ Judkins Left/ TiG/ PIG Tail,...)</p> <p>- Lớp ngoài và lòng trong catheter có chất liệu nhựa Pebax</p> <p>- Phần thân được thiết kế với công nghệ cấu trúc bện được đan bằng các sợi thép không gỉ (SUS) giúp chống xoắn vặn, cải thiện độ bền của trục, tăng khả năng đẩy.</p> <p>- Độ cân quang dưới màn hình huỳnh quang cao (chứa 40% BaSO<sub>4</sub>).</p> <p>- Đường kính lòng trong lớn cho tốc độ dòng chảy tốt.</p> <p>- Đường kính trong và đường kính ngoài tương ứng lần lượt: (1.00mm; 1.40mm - 4F); (1.08mm; 1.68mm - 5F) và (1.28mm; 1.32mm; 2.00mm - 6F).</p> <p>- Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI</p> <p>- Đa dạng chiều dài: 40cm - 150cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p>	Cái	80	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
68	ĐQCT.25.68	Đầu nối Y dạng bấm và vặn đường kính 9F	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu nối Y- Star dạng bấm và vặn, đường kính trong van 9Fr, sử dụng trong thủ thuật chụp chẩn đoán và can thiệp mạch máu với công nối linh động giúp gắn thêm các kết nối phụ nhằm hỗ trợ tối đa trong quá trình phẫu thuật.</li> <li>- Bộ kết nối chữ Y bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu nối chữ Y</li> <li>• Torque</li> <li>• Kim dài 10cm</li> <li>• Dây truyền với khóa luer có 03 công, dài 25cm.</li> <li>• 02 công nối linh động</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng : ISO, CE .</li> </ul>	Bộ	50	
69	ĐQCT.25.69	Bộ van cầm máu tự động và van khóa vặn, kích thước 9F, chiều dài 95mm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công kết nối có góc: 37.5 độ</li> <li>- Chiều dài: 95mm;</li> <li>- Kích thước: 9 Fr</li> <li>- Van tự động và van khóa vặn đồng thời;</li> <li>- Có / Không có nút thông gió</li> <li>- Nút thông gió giúp loại bỏ bong bóng, bọt khí;</li> <li>- Bộ cấp chia có thể tháo rời dễ dàng.</li> <li>- Chất liệu: Polycarbonate</li> <li>- Bộ sản phẩm bao gồm: 1 van, 1 torque và 1 kim.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>	Bộ	20	
70	ĐQCT.25.70	Bộ van cầm máu có 2-3 công kết nối, kích thước 9F, chiều dài 54, 80 và 78mm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 loại: 02 và 03 công</li> <li>- Chiều dài: 54, 80 và 78 mm</li> <li>- Công kết nối có góc: 30 và 40 độ</li> <li>- Kích thước: 9 Fr</li> <li>- Giảm thiểu mất máu và chảy máu ngược dòng</li> <li>- Chất liệu: Polycarbonate</li> <li>- Bộ sản phẩm bao gồm: 1 van, 1 torque và 1 kim</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>	Bộ	20	
71	ĐQCT.25.71	Stent (Giá đỡ) động mạch chậu 0.035", có màng bọc, bung bằng bóng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Stent can thiệp mạch máu ngoại biên có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch chậu, thận.</li> <li>- Chất liệu Coban - Crom (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE dày 203±25µm.</li> <li>- Tương thích với sheath 6Fr - 7Fr</li> <li>- Đường kính 5 - 10 mm, dài 18 - 58 mm.</li> <li>- Tiêu chuẩn CE</li> </ul>	Cái	3	
72	ĐQCT.25.72	Bóng nong mạch máu dưới gối phủ thuốc 0.1µm, dây dẫn 0,014	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bóng nong mạch máu ngoại biên dưới gối phủ thuốc</li> <li>- Chất liệu bóng Polyamide.</li> <li>- Phủ thuốc Paclitaxel 3.0µg/mm<sup>2</sup>, các tinh thể thuốc 0.1µm</li> <li>- Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035".</li> <li>- Loại bóng dạng OTW.</li> <li>- Áp suất vỡ bóng từ 12-16 atm.</li> <li>- Đường kính từ 2-10mm, dài từ 20-150mm.</li> <li>- Tiêu chuẩn CE</li> </ul>	Cái	5	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
73	ĐQCT.25.73	Bộ dẫn lưu qua da	<p>* Dùng trong thủ thuật dẫn lưu mật, thận ra da, dẫn lưu ổ áp xe và các mục đích dẫn lưu khác</p> <p>* Chất liệu thermoplastic polyurethane (TPU: là polyurethane có tính cản quang và thích ứng tốt với nhiệt độ; đáp ứng được tất cả các tiêu chuẩn cao trong các thử nghiệm tương thích sinh học)</p> <p>* Số lượng lỗ trên ống <math>\geq 4</math> (catheter có đường kính <math>\geq 8\text{Fr}</math>); <math>\leq 3</math> lỗ (catheter có đường kính <math>\leq 7\text{Fr}</math>), kích thước lỗ <math>&gt; 2\text{mm}</math></p> <p>* Chiều dài đoạn pigtail 5 - 10cm</p> <p>* Thiết kế phần đầu có thể uốn cong thành dạng pigtail, cố định hình dạng pigtail bằng dây, có khóa; có đánh dấu chiều dài trên thân ống, đường kính trong lớn, dễ dẫn lưu dịch; tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.89mm</p> <p>* Đường kính: 5F, 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F, 14F, 16F, chiều dài catheter: 20cm, 25cm, 30cm, 35cm, 40cm</p> <p>* Đường kính pigtail đoạn cong 6F: <math>15.2 \pm 1.5</math> (mm); 7F: <math>19 \pm 1.5</math> (mm); 8F, 9F: <math>20 \pm 1.5</math> (mm); 10F: <math>22 \pm 1.5</math> (mm), 12F: <math>25 \pm 1.5</math> (mm); 14F: <math>26 \pm 1.5</math> (mm); 16: <math>28 \pm 1.5</math> (mm); giúp lựa chọn dẫn lưu phù hợp với kích thước và hình dạng tổn thương</p> <p>* Đầu tip thon nhọn để đẩy vào</p> <p>* Đầu kim chọc có lớp phân âm nhằm tăng độ cản quang</p> <p>* Các lỗ dẫn lưu to nhằm tăng khả năng dẫn lưu dịch</p> <p>* Có phủ lớp ái nước giúp dễ dàng đẩy</p>	Bộ	30	
74	ĐQCT.25.74	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ đặt vĩnh viễn	<p>Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới bằng hợp kim Phynox không có tính sắt từ, tương thích MRI và dễ dàng quan sát dưới tia X. Chiều dài hình nón ngăn 44 mm, độ mở rộng 42 mm thích hợp với tĩnh mạch có đường kính đến 35 mm. Bộ dụng cụ bọc lộ tĩnh mạch gồm: kim chọc mạch, nôi chữ Y, bơm tiêm 5 ml, dao mổ, dây dẫn đường ngăn đường kính 0,035" (0,089 mm) dài 70 cm. Dây dẫn đường chính đầu chữ "J" đường kính 0,035" dài 150 cm và 180 cm, bề mặt phủ lớp PTFE. Dụng cụ mở đường 7F có van cầm máu, nôi chữ Y và stopcock</p>	Cái	10	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
75	DQCT.25.75	Giá đỡ nhớ hình tự bung nong mạch máu ngoại biên (đùi nông và dưới kheo); đường kính: 4mm-7mm; chiều dài: 20mm-200mm; chất liệu: Nitinol; hệ thống dây dẫn: 0.018".	Pulsar-18 T3 là giá đỡ tự bung, nhớ hình bằng sheath. Thiết kế stent: "Peak-to-Valley" và "S-articulations" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent. Thiết kế hệ thống: OTW. Chất liệu: Nitinol. Độ dày thân stent: 140µm. Chiều rộng thân stent: 85µm. Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 4mm-7mm. Chiều dài: 20mm-200mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 135cm. Marker: 6 marker bằng vàng ở mỗi cuối giá đỡ, tăng khả năng nhìn thấy. Hệ thống dây dẫn: 0.018". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	5	
76	DQCT.25.76	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp động mạch, chất liệu: polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel lớp trong PTFE, đường kính: 4F-8F, chiều dài: 45cm, 65cm và 90cm, hệ thống dây dẫn: 0.035".	Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong PTFE. Đường kính: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F. Chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm. Hình dạng ống thông: đầu cong và đầu thẳng. Lớp phủ: Hydrophobic (30cm đầu xa, chỉ 5F, 6F, 7F và chỉ 8F). Marker: Platinum (thấy rõ dưới căn quang). Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	10	
77	DQCT.25.77	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính: 3mm-12mm, chiều dài: 20mm-250mm, hệ thống dây dẫn: 0.035".	Passeo-35 Xeo là bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Dạng bóng: Controlled Compliance (kỹ thuật xếp 5 cạnh đối với đường kính bóng từ 5mm - 12mm, 3 cạnh đối với đường kính từ 3mm - 4mm, giúp bóng xếp nhỏ lại). Chất liệu bóng: SCP (Semi-Crystalline Polymer). Lớp phủ: Hydrophobic. Đường kính bóng: 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm. Chiều dài bóng: 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 170mm, 200mm, 250mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 130cm, 170cm. Marker: 2 marker rập khuôn. Áp suất tối đa: 21atm. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	20	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
78	ĐQCT.25.78	Giá đỡ nhớ hình tự bung nong mạch máu ngoại biên (chậu); đường kính: 7mm-10mm; chiều dài: 30mm-80mm; chất liệu: Nitinol; hệ thống dây dẫn: 0.035".	Astron là giá đỡ tự bung, nhớ hình bằng sheath. Thiết kế stent: "Peak-to-Valley" và "S-articulations" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Chất liệu: Nitinol. Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 7mm-10mm. Chiều dài: 30mm-80mm. Chiều dài hệ thống: 70cm, 120cm. Marker: 4 marker bằng vàng ở mỗi cuối giá đỡ, tăng khả năng nhìn thấy. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	5	
79	ĐQCT.25.79	Giá đỡ nong mạch máu ngoại biên bằng bóng (chậu); đường kính: 5mm-10mm; chiều dài: 18mm, 28mm, 38mm, 58mm, 78mm; chất liệu: Cobalt Chromium; hệ thống dây dẫn: 0.035".	Dynetic-35 là giá đỡ bung bằng bóng. Thiết kế stent: "Double Helix" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent. Thiết kế hệ thống: Over the Wire. Chất liệu: Cobalt Chromium. Độ dày thân stent: 110 $\mu$ m (đường kính 5mm-7mm), 140 $\mu$ m (đường kính 8mm-10mm). Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm. Chiều dài: 18mm, 28mm, 38mm, 58mm, 78mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 130cm, 170cm. Marker: 2 marker rập khuôn (bóng). Sheath tương thích: 6F (toàn bộ kích cỡ). Hệ thống dây dẫn: 0.035".	Cái	5	
80	ĐQCT.25.80	Catherter dẫn lưu đa mục đích và thận, có khoá pigtail	Ống thông dẫn lưu có khoá Pigtail Skater (loại đa mục đích và thận): 1. Nguyên liệu: Polyurethane chống xoắn, non latex, có phủ lớp ái nước slip-coat. 2. Sử dụng kỹ thuật đâm trực tiếp Seldinger, có vạch cân quang, lòng ống thông lớn, có ít nhất 4 lỗ thoát 1 bên với kích thước lớn (>2mm), có khoá đuôi heo cấu hình thấp dễ dàng khoá với khoá cố định Snap-off, 1 ống giúp làm thẳng đuôi heo có thể tháo rời, 1 ống thông chất liệu kim loại 5-10cm, 1 ống thông cứng linh hoạt 5-10cm (không có ở cỡ 6F và 7F), 1 dụng cụ định hình trocar Choice Lock cho phép tiếp cận bằng 1 tay vào vị trí cần dẫn lưu, đầu ống thông được vát tròn giúp chèn dễ dàng 3. Kích cỡ: 6F, 7F, 8F, 10F, 12F, 14F và 16F dài 15cm, 20cm, 25cm, 30cm, 35cm, 45cm và 60cm tương thích với dây dẫn .038" 4. Tiêu chuẩn: FDA, ISO	Cái	60	

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
81	ĐQCT.25.81	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời	<ol style="list-style-type: none"> <li>Ngăn ngừa thuyên tắc phổi tái phát, loại Option Elite, đặt tạm thời hoặc vĩnh viễn</li> <li>Lưới lọc làm bằng nguyên liệu Nitinol trong hộp đựng</li> <li>Cỡ sheath 5Fr, độ dài sheath 70cm hoặc 100cm, đường kính lọc tự mở đến 32mm.</li> <li>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA</li> <li>Đi kèm dụng cụ phân chia lưới lọc, cây đẩy cong có đánh dấu, nắp ống thông, cây nong mạch.</li> <li>Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO</li> </ol>	Cái	5	
82	ĐQCT.25.82	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng	<ol style="list-style-type: none"> <li>Được thiết kế 1 vòng với góc 90o sử dụng trong hệ thống mạch máu hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại HALO</li> <li>Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, vòng xoắn được mạ vàng quan sát tốt dưới huỳnh quang, đầu catheter cân quang.</li> <li>Kích cỡ : 2mmx175/200cm, 4mmx175/200cm, 5 mm x 120cm, 7mmx175/200cm, 10mm x 65 hoặc 120cm, 15mm x 120cm, 20mm x 120cm, 25mm x 65 hoặc 120cm, 30mm x 120cm, 35mm x 120cm. Catheter : 4Fr và 6Fr.</li> <li>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA</li> <li>Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque</li> <li>Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO</li> </ol>	Cái	2	
83	ĐQCT.25.83	Dụng cụ lấy dị vật trong mạch máu	<ol style="list-style-type: none"> <li>Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại Atrieve.</li> <li>Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cân quang.</li> <li>Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp, Kích cỡ : 2-4 mm x 175cm, 4-8mm x 175cm, 6mm-10mm x 120cm, 9mm-15mm x 120cm, 12mm-20mm x 120cm, 18mm-30mm x 120cm, 27mm - 45mm x 120cm. Chiều dài catheter : 150cm và 100cm.</li> <li>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA</li> <li>Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque</li> <li>Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO</li> </ol>	Cái	2	

1.1.8

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
84	DQCT.25.84	Dụng cụ dẫn đường cho ống thông dẫn lưu (Bộ xâm nhập tĩnh mạch cửa)	Dụng cụ dẫn đường cho ống thông dẫn lưu : Nguyên liệu: Polyurethane, có phủ lớp ái nước - Thân ống có marker căn quang - cây nong 4F/ vỏ 6F với ống thông khoá cứng. - Thiết kế lỗ cuối phù hợp dây dẫn 0.35inch và 0.38inch - Đã bao gồm: cây nong 4F/ cây chèn đồng trục, dây dẫn nitinol 0,18ich, kim trocar 21Gx15cm. Tiêu chuẩn: FDA, ISO	Cái	20	

**Tổng cộng: 84 khoản**

Châu Đốc, ngày 31. tháng 12 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**

**BS. CKII. Nguyễn Văn Hưng**

